

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

SỔ GÓC CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BÁO CHÍ ĐỢT 7 NĂM 2025

(Theo Quyết định công nhận kết quả học tập và cấp chứng chỉ lớp Bồi dưỡng Nghiệp vụ quản lý nhà nước về báo chí đợt 7 năm 2025 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 386-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương trình ĐT, BD: Nghiệp vụ quản lý nhà nước về báo chí.

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: Từ ngày 13/12/2025 đến ngày 10/01/2026.

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
1	Nguyễn Thị Vân Anh	27.8.1983	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 005228	NVQLNNBC7/2025.01	
2	Nguyễn Văn Ba	10.9.1975	Thanh Hóa	Nam	Kinh	HBT/BD 005229	NVQLNNBC7/2025.02	
3	Nguyễn Phương Bắc	18.9.1976	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 005230	NVQLNNBC7/2025.03	
4	Đào Tùng Bách	30.12.1974	Hải Dương	Nam	Kinh	HBT/BD 005231	NVQLNNBC7/2025.04	
5	Đàm Thị Chi	25.11.1996	Hưng Yên	Nữ	Kinh	HBT/BD 005232	NVQLNNBC7/2025.05	
6	Phan Thảo Chi	21.11.2002	Hưng Yên	Nữ	Kinh	HBT/BD 005233	NVQLNNBC7/2025.06	
7	Nguyễn Thụy Diễm Chi	13.8.1974	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	HBT/BD 005234	NVQLNNBC7/2025.07	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
8	Nguyễn Văn Chuyên	05.10.1981	Bắc Giang	Nam	Kinh	HBT/BD 005235	NVQLNNBC7/2025.08	
9	Nguyễn Tuấn Đức	02.5.1983	Nghệ An	Nam	Kinh	HBT/BD 005236	NVQLNNBC7/2025.09	
10	Phan Minh Đức	11.4.1983	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 005237	NVQLNNBC7/2025.10	
11	Tạ Văn Dương	01.5.1984	Bắc Giang	Nam	Kinh	HBT/BD 005238	NVQLNNBC7/2025.11	
12	Trần Thái Dương	26.6.1984	Quảng Trị	Nam	Kinh	HBT/BD 005239	NVQLNNBC7/2025.12	
13	Trần Quốc Giang	29.8.1994	An Giang	Nam	Kinh	HBT/BD 005240	NVQLNNBC7/2025.13	
14	Nguyễn Minh Hà	01.6.2003	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	HBT/BD 005241	NVQLNNBC7/2025.14	
15	Nguyễn Thị Thanh Hà	15.7.1990	Nam Định	Nữ	Kinh	HBT/BD 005242	NVQLNNBC7/2025.15	
16	Trương Thanh Hải	15.6.1975	Đà Nẵng	Nam	Kinh	HBT/BD 005243	NVQLNNBC7/2025.16	
17	Lê Thị Thu Hằng	28.10.1976	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 005244	NVQLNNBC7/2025.17	
18	Thái Thanh Hằng	13.9.1983	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	HBT/BD 005245	NVQLNNBC7/2025.18	
19	Trần Thị Hồng Hạnh	02.4.1979	Ninh Bình	Nữ	Kinh	HBT/BD 005246	NVQLNNBC7/2025.19	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
20	Nguyễn Văn Hiếu	13.10.1982	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	HBT/BD 005247	NVQLNNBC7/2025.20	
21	Trần Văn Hinh	03.9.1988	Hung Yên	Nam	Kinh	HBT/BD 005248	NVQLNNBC7/2025.21	
22	Đặng Thị Phương Hoa	26.8.1968	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 005249	NVQLNNBC7/2025.22	
23	Nguyễn Trọng Hoài	26.01.1961	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	HBT/BD 005250	NVQLNNBC7/2025.23	
24	Võ Trung Hùng	20.01.1968	Quảng Nam	Nam	Kinh	HBT/BD 005251	NVQLNNBC7/2025.24	
25	Phạm Văn Hưng	16.10.1983	Hải Phòng	Nam	Kinh	HBT/BD 005252	NVQLNNBC7/2025.25	
26	Bùi Thị Thu Hương	15.02.1977	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	HBT/BD 005253	NVQLNNBC7/2025.26	
27	Nguyễn Thị Quốc Hương	16.10.1965	Bình Dương	Nữ	Kinh	HBT/BD 005254	NVQLNNBC7/2025.27	
28	Bùi Thị Thu Hường	06.8.1988	Hải Phòng	Nữ	Kinh	HBT/BD 005255	NVQLNNBC7/2025.28	
29	Ngô Thị Khánh	24.12.1977	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	HBT/BD 005256	NVQLNNBC7/2025.29	
30	Nguyễn Đình Ký	12.7.1982	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 005257	NVQLNNBC7/2025.30	
31	Trần Thị Phương Linh	23.3.1976	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 005258	NVQLNNBC7/2025.31	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
32	Nguyễn Duy Lợi	12.6.1972	Thái Nguyên	Nam	Kinh	HBT/BD 005259	NVQLNNBC7/2025.32	
33	Ngô Lê Minh	01.3.1976	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 005260	NVQLNNBC7/2025.33	
34	Nguyễn Thị Phương Nam	10.10.1977	Nghệ An	Nữ	Kinh	HBT/BD 005261	NVQLNNBC7/2025.34	
35	Nguyễn Bích Ngọc	16.11.1983	Hải Phòng	Nữ	Kinh	HBT/BD 005262	NVQLNNBC7/2025.35	
36	Trần Xuân Nội	27.5.1977	Nam Định	Nam	Kinh	HBT/BD 005263	NVQLNNBC7/2025.36	
37	Phan Minh Phụng	29.10.1975	Đồng Tháp	Nam	Kinh	HBT/BD 005264	NVQLNNBC7/2025.37	
38	Trịnh Xuân Quang	28.10.1972	Thanh Hóa	Nam	Kinh	HBT/BD 005265	NVQLNNBC7/2025.38	
39	Trần Xuân Quỳnh	16.9.1987	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 005266	NVQLNNBC7/2025.39	
40	Nguyễn Văn Sơn	28.5.1976	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	HBT/BD 005267	NVQLNNBC7/2025.40	
41	Nguyễn Xuân Tế	07.8.1956	Thanh Hóa	Nam	Kinh	HBT/BD 005268	NVQLNNBC7/2025.41	
42	Lê Quang Thắng	09.9.1978	Thanh Hóa	Nam	Kinh	HBT/BD 005269	NVQLNNBC7/2025.42	
43	Trần Chiến Thắng	22.3.1980	Quảng Ninh	Nam	Kinh	HBT/BD 005270	NVQLNNBC7/2025.43	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
44	Vũ Thị Thanh	01.02.1977	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 005271	NVQLNNBC7/2025.44	
45	Sử Đình Thành	02.11.1965	Ninh Thuận	Nam	Kinh	HBT/BD 005272	NVQLNNBC7/2025.45	
46	Phạm Bạch Thiết	24.02.1994	Kiên Giang	Nam	Kinh	HBT/BD 005273	NVQLNNBC7/2025.46	
47	Trần Thị Hoài Thơ	19.6.2000	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	HBT/BD 005274	NVQLNNBC7/2025.47	
48	Huỳnh Thanh Thoảng	27.3.1976	Long An	Nữ	Kinh	HBT/BD 005275	NVQLNNBC7/2025.48	
49	Nguyễn Thị Xuân Thu	24.6.1968	Hải Dương	Nữ	Kinh	HBT/BD 005276	NVQLNNBC7/2025.49	
50	Trương Anh Thuận	16.6.1983	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	HBT/BD 005277	NVQLNNBC7/2025.50	
51	Phương Thanh Thủy	11.6.1976	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 005278	NVQLNNBC7/2025.51	
52	Nguyễn Văn Tiến	31.01.1991	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 005279	NVQLNNBC7/2025.52	
53	Nguyễn Thị Minh Trâm	25.9.1991	Quảng Nam	Nữ	Kinh	HBT/BD 005280	NVQLNNBC7/2025.53	
54	Cao Thị Hiền Trang	04.5.1987	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	HBT/BD 005281	NVQLNNBC7/2025.54	
55	Nguyễn Thành Trung	02.12.1978	Nghệ An	Nam	Kinh	HBT/BD 005282	NVQLNNBC7/2025.55	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
56	Huỳnh Văn Tùng	22.9.1975	Cần Thơ	Nam	Kinh	HBT/BD 005283	NVQLNNBC7/2025.56	
57	Lê Tường Vân	04.10.1977	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 005284	NVQLNNBC7/2025.57	
58	Lê Thủy Vân	13.12.1976	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 005285	NVQLNNBC7/2025.58	
59	Phạm Minh Tuấn Vũ	08.8.1986	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	HBT/BD 005286	NVQLNNBC7/2025.59	

Tổng số: 59 chứng chỉ.

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2026

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trường Giang